TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 89/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 30-8-2023
V/v Tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Cái Thị Minh Tâm.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Vân

2. Ông Thái Văn Lộc

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hoài Thanh là thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh: Ông Võ Minh Mẫn - Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 175/2023/TLST-HNGĐ, ngày 12 tháng 5 năm 2023 về "Tranh chấp ly hôn, nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 81/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 7 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 38/2023/QĐST-DS ngày 10 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị D, sinh năm 1976; Địa chỉ: Ấp Nam B, xã T, huyện C, tỉnh Tây Ninh.

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1973; Địa chỉ: Ấp Nam B, xã T, huyện C, tỉnh Tây Ninh.

Chị D vắng mặt tại Tòa có đơn xin vắng. Anh T vắng mặt không lý do.

NỘI D VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 08 tháng 5 năm 2023 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị D trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị D và anh Nguyễn Văn T chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1993 đến năm 2005 mới đăng ký kết hôn tại UBND xã Thành Long, huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc

nhưng sau đó thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, không có tiếng nói chung, không tin tưởng lẫn nhau, mục đích hôn nhân không đạt được. Anh, chị sống ly thân hơn 01 năm nay không còn quan T đến nhau, ai cũng có cuộc sống riêng, tình cảm không còn. Chị D xin ly hôn.

Về con chung: Có 03 con chung tên Nguyễn Thị Ngọc D1, sinh ngày 12-8-1994; Nguyễn Thị Ngọc T1, sinh ngày 07-5-2000 và Nguyễn Anh N, sinh ngày 02-11-2009. Hiện cháu D1, cháu T1 trưởng thành không yêu cầu toà án giải quyết, cháu N theo ai thì người đó nuôi, người còn lại không cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Không có.

Trong quá trình giải quyết vụ án anh Nguyễn Văn T không đến Tòa, không có lời trình bày, vắng mặt không lý do.

Tại phiên toà:

Tại tòa Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký và đương sự đều thực hiện đúng theo quy định của pháp luật.

Về nội D vụ án: Căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Căn cứ điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Toà án. Đề nghị tuyên:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Nguyễn Thị D đối với anh Nguyễn Văn T.

Về quan hệ con chung: Có 03 con chung tên Nguyễn Thị Ngọc D1, sinh ngày 12-8-1994; Nguyễn Thị Ngọc T1, sinh ngày 07-5-2000 và Nguyễn Anh N, sinh ngày 02-11-2009. Hiện cháu D1, cháu T1 trưởng thành không yêu cầu toà án giải quyết, cháu N sống với mẹ cần giao cháu N cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục. Ghi nhận chị D không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung, chị D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị D phải chịu án phí sơ thẩm hôn nhân theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Nguyễn Văn T là bị đơn trong vụ án vắng mặt không lý do. Căn cứ vào biên bản xác minh của Tòa án ngày 02 tháng 6 năm 2023 thì hiện tại anh T có hộ khẩu tại tổ 8, Ấp Nam B, xã T, huyện C, tỉnh Tây Ninh, hiện tại anh T vẫn còn sinh sống tại địa chỉ trên. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án

tống đạt các văn bản tố tụng và giấy triệu tập đương sự mời anh T lên Tòa làm việc nhưng anh không đến cũng như không có lời khai về vụ án, anh T thường xuyên vắng mặt tại địa phương vào giờ hành chính, Tòa án có tống đạt đầy đủ các văn bản tố tụng theo quy định nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh Vương là phù hợp.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị D, anh T chung sống với nhau từ năm 1993 đến năm 2005 mới đăng ký kết hôn tại UBND xã Thành Long, huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh, là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, chị D có đơn xin vắng mặt nhưng vẫn giữ nguyên lời trình bày: Sau khi kết hôn, cuộc sống vợ chồng hạnh phúc bình thường, đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn và đã sống ly hôn đến nay. Nay tình cảm không còn, không quan T đến nhau, ai cũng có cuộc sống riêng cho mình, không thể hàn gắng được chị D xin ly hôn.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị D, Hội đồng xét xử thấy rằng, vợ chồng chung sống cần có sự gần nhau, chia sẻ, đồng cảm, quan T chăm sóc, thương yêu giúp đỡ lẫn nhau và cùng có trách nhiệm với gia đình, con cái. Trong mối quan hệ vợ chồng của chị D, anh T không còn sự chia sẻ và đồng cảm, không hiểu nhau, không còn tình cảm, không hạnh phúc, thời gian sống ly thân của anh chị đã lâu không thể hàn gắng mối quan hệ vợ chồng được. Hiện chị D, anh T không còn tình cảm với nhau, không thương yêu nhau nên yêu cầu xin ly hôn của chị D là có căn cứ chấp nhận.

Anh T không đến Tòa, không có lời trình bày, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa cho anh T nhưng anh không đến Tòa là từ bỏ quyền lợi và nghĩa vụ của mình, không muốn hàn gắng mối quan hệ vợ chồng với chị D nên Hội đồng xét xử không xem xét là phù hợp.

[3] Về con chung: Có 03 con chung tên Nguyễn Thị Ngọc D1, sinh ngày 12-8-1994; Nguyễn Thị Ngọc T1, sinh ngày 07-5-2000 và Nguyễn Anh N, sinh ngày 02-11-2009. Hiện cháu D1, cháu T1 trưởng thành không yêu cầu toà án giải quyết, cháu N theo ai thì người đó nuôi, người còn lại không cấp dưỡng nuôi con. Qua làm việc thì cháu N xin được sống với mẹ nên cần giao cháu N cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục là phù hợp. Ghi nhận chị D không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị D không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Đối với đề nghị của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với quy định của pháp luật và nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[6] Về án phí: Chị D phải chịu án phí theo quy định tại điển a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường

vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 146, 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị D đối với anh Nguyễn Văn T. Chị Nguyễn Thị D được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

2. Về con chung: : Có 03 con chung tên Nguyễn Thị Ngọc D1, sinh ngày 12-8-1994; Nguyễn Thị Ngọc T1, sinh ngày 07-5-2000 và Nguyễn Anh N, sinh ngày 02-11-2009. Hiện cháu D1, cháu T1 trưởng thành không yêu cầu toà án giải quyết. Giao con chung tên Nguyễn Anh N, sinh ngày 02-11-2009 cho chị Nguyễn Thị D trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Ghi nhận chị D không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Anh Nguyễn Văn T được quyền, nghĩa vụ thăm non, chăm sóc con chung. Chị D cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở.

3. Về tài sản chung; nợ chung: Chị D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị D phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm hôn nhân nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm chị D đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0018516 ngày 12 tháng 5 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh, chị D đã nộp đủ án phí.

"Trường hợp Bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ./.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Tây Ninh;*
- *VKSND tỉnh Tây Ninh;*
- *VKSND huyện Châu Thành;*
- *THA huyện Châu Thành;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Cái Thị Minh Tâm